TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Dũng

bà Đỗ Thị Liêu

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Ngô Thị Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 2, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam

2. Bị đơn: ông Võ T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 2, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

Bà Ngô Thị Y có mặt, ông Võ T vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Y và ông Võ T là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 06/02/1996, tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống hai bên, thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với bà Y, mâu thuẫn đã kéo dài hơn 04 năm nay nhưng vì con nên bà Y cố chịu đựng, bà Y đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà Y yêu cầu ly hôn ông Võ T.

Về quan hệ con chung: vợ chồng bà có 03 con chung là Võ Văn T, sinh ngày 22/12/1996; Võ T, sinh ngày 09/10/1999 và Võ Thị Kim T, sinh ngày 05/9/2003. Hiện nay các con đã T niên, trên 18 tuổi nên bà Y không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có lời khai của ông T trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Ngô Thị Y được ly hôn ông Võ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Võ T có địa chỉ cư trú tại tổ 2, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình có thẩm quyền thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Võ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Y và ông Võ T là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 06/02/1996, tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Thăng Bình. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Y và ông T chung sống không hạnh phúc. Theo bà Y, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống hai bên, thường xuyên cãi vã, ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với bà Y, mâu thuẫn đã kéo dài hơn 04 năm nay nhưng vì con nên bà Y cố chịu đựng, bà Y đã nhiều lần báo với chính quyền địa phương nhưng ông T vẫn không thay đổi, phù hợp với xác nhận của Công an xã Bình An có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình tố tụng, ông T không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án thể hiện thái độ xem thường pháp luật và không mong muốn xây dựng gia đình.

Xét thấy, bà Y và ông T không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau; ông T còn có hành vi hành hung, bạo hành gia đình với bà Y; trong quá trình giải quyết vụ án bà Y cương quyết ly hôn. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Y.

[3] Về nuôi con chung: vợ chồng bà Y, ông T có 03 con chung là Võ Văn T, sinh ngày 22/12/1996; Võ T, sinh ngày 09/10/1999 và Võ Thị Kim T, sinh ngày 05/9/2003. Hiện nay các con đã T niên, trên 18 tuổi, bà Y không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Y phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Y về việc "Ly hôn".

1. Về hôn nhân: cho bà Ngô Thị Y được ly hôn với ông Võ T.

2. Về án phí: bà Ngô Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Ngô Thị Y đã nộp theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008709 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND xã Bình An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh